

Số: **88/2024/QĐST-HNGĐ**

V, ngày 13 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 66/2024/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Phạm Thị N**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Số điện thoại: 0399.298.233

- *Bị đơn*: Anh **Phùng Văn H**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: thôn H xã M, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam H, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Khoản 1 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Phùng Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Phùng Văn H thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Phùng Văn H có 02 con chung là cháu Phùng Việt B, sinh ngày 11/3/2015 và cháu Phùng Khánh A, sinh ngày 10/12/2016. Chị N và anh H thỏa thuận giao cháu Phùng Việt B cho anh H nuôi dưỡng. giao cháu Phùng Khánh A cho chị N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị N và anh H tự nguyện không yêu cầu giải quyết. Chị N và anh H có trách nhiệm nuôi dưỡng hai cháu cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Các bên có quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức và các vấn đề khác: Chị N và anh H tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Phạm Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003768, ngày 10 tháng 4 năm 2024, trả lại cho chị N 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã C, huyện V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký tên và đóng dấu)
Phạm Văn Trung